

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2566 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 06 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản cát làm vật liệu san lấp (cát bồi nền) tại khu vực Động Râm Xanh, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 3826/STNMT-CCBVMT ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu san lấp (cát bồi nền) tại khu vực Động Râm Xanh, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu san lấp (cát bồi nền) tại khu vực Động Râm Xanh, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công văn số 54/TTr.UNILAND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư UNILAND;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 392/TTr-STNMT ngày 28 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu san lấp (cát bồi nền) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư UNILAND (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực Động Râm Xanh, xã Tân Hải, thị

xã La Gi, tỉnh Bình Thuận với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh – Phan Văn Đăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Quỹ Bảo vệ môi trường Bình Thuận;
- UBND thị xã La Gi;
- UBND xã Tân Hải;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư UNILAND;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Văn Đăng

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu san lấp (cát bồi nền)

(Kèm theo Quyết định số:2566/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu san lấp (cát bồi nền).
- Địa chỉ thực hiện dự án: Khu vực Động Râm Xanh, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư UNILAND.
- Địa chỉ liên hệ: 14 Ngô Văn Năm, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Trung. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích khai trường: 10 ha .
- Quy mô: Trữ lượng huy động vào khai thác là 363.577 m³ nguyên khối.
- Công suất khai thác: 80.000 m³/năm (nguyên khối), tương đương 90.000 m³/năm (nguyên khai, hệ số nở rời là 1,125).
- Tuổi thọ mỏ: 05 năm 01 tháng.

1.3. Công nghệ khai thác: Áp dụng công nghệ khai thác xúc bốc trực tiếp và vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư: Khai trường khai thác có diện tích 10 ha; các hạng mục phụ trợ nằm ngoài khai trường (như lán trại, trạm cân) có diện tích 70 m² và hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ khai thác, vận chuyển sản phẩm.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Các hạng mục công trình chính: Hoạt động chính của dự án là khai thác xúc bốc trực tiếp cát bồi nền và vận chuyển đến nơi tiêu thụ, không xây dựng công trình kiên cố.
- Các hạng mục công trình phụ trợ: Đường vận chuyển ngoài mỏ dài khoảng 130 m, đường vận chuyển nội mỏ, lán trại, trạm cân,...

- Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành khoảng 0,225 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh. Tại dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác và vận chuyển khoáng sản chứa các thành phần ô nhiễm chủ yếu như: Bụi tổng, SO₂, NO_x, CO,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng và vận hành khoảng 2,5 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt chứa các thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Chất thải rắn thông thường: Khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 12,18 tấn, trong giai đoạn vận hành khoảng 867,3 tấn. Thành phần chủ yếu là thân, cành cây, thảm thực vật,...

- Chất thải nguy hại: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành khoảng 1 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ.

3.2. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các thiết bị phục vụ cho công tác chuẩn bị mặt bằng khai thác và vận hành khai thác như xe múc, ô tô vận tải,... Quy chuẩn áp dụng để giám sát tiếng ồn, độ rung phát sinh do hoạt động của máy móc thiết bị thi công trên công trường theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Trong phạm vi dự án không bố trí công trình xử lý nước thải. Tại khu vực dự án có bố trí nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải. Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành chủ yếu như sau:

- Khai thác đến đâu tiến hành phát quang thảm thực vật đến đó, giữ nguyên hiện trạng mỏ tại khu vực chưa khai thác; trồng cây xanh cải tạo phục hồi môi trường song song với thời gian khai thác, các moong sau khi kết thúc khai thác được hoàn thổ, trồng cây,... để ngăn ngừa, hạn chế tác động do bụi.

- Tổ chức tưới nước làm ẩm đường vận chuyển thường xuyên để hạn chế bụi phát tán ra môi trường với tần suất tưới tối thiểu 02 lần/ngày và chủ động tăng tần suất tưới đối với những ngày nắng nóng, gió lớn.

- Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường vận chuyển sản phẩm.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu máy móc thiết bị để đảm bảo luôn làm việc ở tình trạng tốt, hạn chế được tình trạng ô nhiễm không khí lẫn tiếng ồn, độ rung và các sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra.

- Chủ dự án có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các xe vận chuyển tại trạm cân trước khi xe chở khoáng sản ra khỏi mỏ; phủ bạt phủ kín toàn thân xe, tránh để bụi bay hoặc rơi vãi trên đường vận chuyển; xe chở đúng tải trọng theo quy định,...

- Trang bị bảo hộ cho công nhân lao động.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Sinh khối thu được từ quá trình phát quang dọn mặt bằng được bàn giao cho các hộ dân trong khu vực tận dụng làm củi đốt; phần sinh khối không tận dụng được sẽ tập kết và tiến hành đốt bỏ vào những ngày ít gió, bố trí công nhân giám sát và chuẩn bị đầy đủ nước chữa cháy để tránh hỏa hoạn lây lan ra khu vực lân cận.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại. CTNH phát sinh được thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý tại khu vực lán trại của Dự án theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại, lưu chứa tạm thời tại khu lán trại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động như: Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công tạo ra theo tiêu chuẩn môi trường quy định; không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây tiếng ồn, độ rung lớn vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép; vận hành máy móc, thiết bị theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn, độ rung; định kỳ giám sát mức độ tiếng ồn để có biện pháp quản lý và xử lý kịp thời; thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

Khai trường kết thúc khai thác được san gạt đáy moong; xung quanh khai trường được gia cố bờ moong, lắp đặt biển báo, lắp đặt hàng rào kẽm gai; tạo mương thoát nước mưa đáy moong; trồng cây keo lai cải tạo phục hồi môi trường và duy tu sửa chữa đường vận chuyển ngoài mỏ.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

- Gia cố bờ moong: Khai thác tới đâu sẽ gia cố tới đó theo hình thức cuốn chiếu (cải tạo góc nghiêng bờ kết thúc bằng góc ổn định tự nhiên trung bình là 34° nhằm tránh sạt lở);

- San gạt đáy moong đã khai thác.

- Lắp đặt biển báo xung quanh khu vực đã khai thác.

- Lắp đặt hàng rào kẽm gai xung quanh khu vực đã khai thác.

- Trồng cây xanh (*cây keo lai*) xung quanh bờ moong, vách taluy và đáy moong khai thác.

- Đào mương thoát nước mưa.

- Tháo dỡ các công trình phụ trợ.

- San gạt mặt bằng khu phụ trợ.

- Duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển.

- Đo vẽ và quan trắc môi trường giai đoạn cải tạo.

c) *Kế hoạch thực hiện:*

Khôi lượng công việc cải tạo phục hồi môi trường được thực hiện song song trong quá trình khai thác (gia cố bờ moong; san gạt đáy moong; lắp đặt biển báo, hàng rào kẽm gai xung quanh khu mỏ; trồng cây xung quanh bờ moong, vách taluy và đáy moong khai thác; đào mương thoát nước mưa) và khi kết thúc khai thác (Tháo dỡ các công trình phụ trợ; san gạt mặt bằng khu phục trợ; duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyên; đo vẽ và quan trắc môi trường giai đoạn cải tạo); chăm sóc cây sinh trưởng đến năm thứ 3; tiến hành đóng cửa mỏ, bàn giao đất cho địa phương quản lý.

d) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **2.901.391.817 đồng** (Bằng chữ: *Hai tỷ, chín trăm linh một triệu, ba trăm chín mươi một ngàn, tám trăm mười bảy đồng*).

- Số lần ký quỹ: 05 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu : 725.347.954 đồng.

+ Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (03 lần) : 544.010.966 đồng

+ Số tiền ký quỹ lần cuối : 544.010.965 đồng

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:

+ Lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Những lần tiếp theo: Thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.

- *Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau thời điểm phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.*

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động trượt lở bờ moong, giải pháp phòng chống sạt lở tại khu vực khai thác như: Quá trình khai thác phải đảm bảo góc dốc bờ moong phải nhỏ hơn góc dốc an toàn cho phép; các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên. Trong suốt quá trình khai thác, phải thường xuyên cải tạo bờ mỏ đúng theo thiết kế đảm bảo an toàn, tránh sự cố sạt lở bờ moong. Khai thác đến đâu mới tiến hành phát quang thực vật đến đó, giữ nguyên hiện trạng tại diện tích chưa khai thác. Trồng cây xanh trên đai bảo vệ, vách taluy để gia cố, củng cố

bờ moong, hạn chế sạt lở ảnh hưởng đến quá trình khai thác và đất xung quanh dự án,...

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường. Khi xảy ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố. Chủ dự án có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản mở:

Giám sát chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại tại khu vực xây dựng của dự án theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Giai đoạn vận hành:

a) Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm cách khu vực đang khai thác 100 m theo hướng gió chính.

+ 01 điểm tại nhà dân gần dự án.

+ 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển.

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, vi khí hậu.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giám sát chất thải rắn:

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại của dự án theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

c) *Giám sát nước thải:*

- Quản lý, theo dõi tình hình thu gom nước thải sinh hoạt.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

d) *Giám sát khác:*

- Giám sát công tác về phòng chống sự cố môi trường tại mỏ để ứng phó kịp thời: Kiểm tra các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, thiết bị bơm thoát nước mỏ, các biển báo khu vực quanh mỏ để kịp thời bổ sung.

- Giám sát xói mòn, sạt lở: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra hiện tượng sạt lở bờ moong, sạt lở đất,... làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân có đất lân cận dự án; định kỳ tiến hành thực hiện công tác trắc địa bờ moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất và dự báo nguy cơ sạt lở bờ moong.

- Giám sát thoát nước mỏ: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra việc vận hành, bơm thoát nước trong mỏ, đặc biệt là mùa mưa nhằm kịp thời giải quyết ngập lụt, gây sạt lở bờ moong.

5.3. *Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường:*

- Giám sát chăm sóc cây: Giám sát tốc độ sinh trưởng của cây; tỷ lệ che phủ, mật độ cây trồng,... trong thời gian 03 năm trước khi nghiệm thu, bàn giao đất cho địa phương quản lý.

- Giám sát trượt lở: Thường xuyên giám sát hiện tượng sạt lở và phát hiện các sự cố môi trường để ứng phó kịp thời. Trong mùa mưa, thường xuyên kiểm tra hiện tượng trượt lở bờ moong, bơm thoát nước kịp thời tránh hiện tượng ngập úng, đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

6.1. Thực hiện biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến đời sống, kinh tế, xã hội như: Phối hợp với chính quyền địa phương trong sử dụng các tuyến đường vận chuyển khoáng sản đi qua cầu, cống,... để cam kết thực hiện duy tu, bảo dưỡng theo định kỳ và khi bị hư hỏng; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc quản lý, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ, công nhân viên tham gia vận hành Dự án nhằm đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương.

6.2. Quá trình vận chuyển phải đảm bảo an toàn giao thông; thường xuyên kiểm tra, duy tu đường vận chuyển, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động giao thông tại địa phương./.